TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 6 – 2024
" V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mỡn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Dũng.

2. Ông Lê Văn Lực.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 538/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXX - ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Như N** – sinh năm: 1989 (Vắng có đơn).

- *Bị đơn*: Anh **Đặng Thanh S** – sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Anh Thành Đông, xã Trung Hiếu, huyện V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Trần Như N trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh S hôn nhân hình thành do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiếu vào ngày 19/10/2007.

Sau ngày cưới chị sống bên gia đình anh S. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan

điểm nên thường hay cự cải, anh S ghen tuông vô cớ và đánh chị nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, chị và anh S đã ly thân từ tháng 09 năm 2023 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh S nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

- *Về con chung*: Chị và anh S có 02 con chung tên Đặng Minh Khang, sinh ngày 24/09/2007 và Đặng Ngọc Diễm My, sinh ngày 09/01/2013 hiện con chung đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu Khang và cháu My và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bảng khai ý kiến ngày 15/12/2023 cháu Đặng Ngọc Diễm My, cháu Đặng Minh Khang cùng trình bày*: Khi cha mẹ ly hôn hai cháu có N vọng sống với chị N.

* Bị đơn anh Đặng Thanh S vắng mặt tại phiên tòa không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bảng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[1.2] Xét thấy, nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Xét việc bị đơn anh S được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Xét việc bị đơn anh S được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa chị N và anh S có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị N anh S có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải, hai người đã ly thân từ năm 2023 đến nay, từ đó dẫn đến tình cảm dần phai nhạt. Tòa án đã triệu tập anh S nhiều lần, để hòa giải nhằm giúp hai bên có thời gian, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng anh S cố tình tránh né không đến Tòa án. Từ đó, cho thấy anh S không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Mặt khác; trong quan hệ hôn nhân nếu muốn sống hạnh phúc thì hôn nhân phải xuất phát từ tình cảm hai phía. Tuy nhiên chị N cho rằng không còn tính cảm với anh S. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa chị N anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên chị N yêu cầu xin ly hôn với anh S là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.1] Về con chung: Chị N anh S có 02 con chung tên Đặng Minh Khang, sinh ngày 24/09/2007 và Đặng Ngọc Diễm My, sinh ngày 09/01/2013 hiện nay đang sống chung với chị N. Khi ly hôn chị N đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khang và cháu My điều này phù hợp với N vọng của cháu Khang và cháu My nên có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.2] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh S không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh S không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Như N được ly hôn với anh Đặng Thanh S.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Minh Khang, sinh ngày 24/09/2007 và Đặng Ngọc Diễm My, sinh ngày 09/01/2013 cho chị Trần Như N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đặng Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Như N không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh Đặng Thanh S không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Trần Như N không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh Đặng Thanh S không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

+ Chị Trần Như N phải nộp số tiền là: 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N^0 0008485, ngày 09/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, chị Trần Như N đã nộp đủ không phải nộp thêm.

+ Anh Đặng Thanh S không phải nộp án phí.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện V;
-Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Mỡn